

Bản án số: 59/2023/KDTM-ST
Ngày 19/6/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Chương
- Ông Hà Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý – V;

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho:

- Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ - V LCC, vắng mặt.

- Ông Hà Vạn P – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ - V LCC.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM số 96 C, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số 10/8/1C L, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt V) có cho ông Lê Ngọc P vay vốn theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng số LN 2104143611505 số tiền vay: 463.000.000đ (bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng), thời hạn vay 96 tháng, lãi suất 9%/năm, ngày giải ngân 10/05/2021, ngày đến hạn 10/05/2029, mục đích vay mua xe.

Hợp đồng số LD 2118601363 số tiền vay: 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 31%/năm, ngày giải ngân 05/07/2021, ngày đến hạn 14/06/2024, mục đích vay tiêu dùng.

Tài khoản đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sở hữu chiếc xe ô tô con nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: ERTIGA, số khung: MHYANC22SMJ910364, số máy: K15BT1237997, biển kiểm soát số: 72E-001.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005139 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 06/05/2021 đứng tên ông Lê Ngọc P. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Ngọc P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 15/02/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 19/06/2023, ông Lê Ngọc P còn nợ V số tiền là: Nợ gốc: 507.254.068 đồng, nợ lãi 161.424.623 đồng, tổng cộng: 668.678.691đ (sáu trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi một đồng).

Phần yêu cầu của người khởi kiện:

1. Ông Lê Ngọc P phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 19/06/2023 là 668.678.691đ (sáu trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ gốc 507.254.068đ (năm trăm lẻ bảy triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi 161.424.623đ (một trăm sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi ba đồng).

2. Ông Lê Ngọc P tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 20/06/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V.

3. Trường hợp ông Lê Ngọc P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V, tài sản là:

Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: ERTIGA, số khung: MHYANC22SMJ910364, số máy: K15BT1237997, biển kiểm soát số: 72E-001.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005139 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 06/05/2021 đứng tên ông Lê Ngọc P. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Lê Ngọc P tiếp tục có nghĩa vụ trả cho V cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Lê Ngọc P:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Lê Ngọc P yêu cầu đến Tòa án để làm việc nhưng ông Lê Ngọc P vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về nội dung vụ án. Kết quả xác minh Công an phường 2, thành phố Vũng Tàu xác nhận: Ông Lê Ngọc P có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế sinh sống tại 10/8/1C L, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận nên là hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.2. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

Theo hợp đồng cho vay số LN2104143611505 ngày 28/04/2021 và Hợp đồng cho vay số LD2118601363 ngày 05/07/2021 thì V đã cho ông P vay số tiền 463.000.000đ (bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng) để mua xe và 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) để tiêu dùng, V đã giải ngân cho ông P. Theo thỏa thuận ông P mới thanh toán được 65.702.607 đồng, trong đó nợ gốc 37.706.442đ và nợ lãi 27.996.165 đồng. Sau đó ông P cố tình không có ý thức trả nợ cho V vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến kỳ hạn thanh toán như thỏa thuận theo Điều 3 của hợp đồng tín dụng được lập giữa hai bên nên V đã chuyển sang nợ quá hạn.

Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay giữa V và ông P: Nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Ông P đã vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ lại cố tình lẩn tránh, không có thiện chí hợp tác trong việc giải quyết nợ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của V buộc ông P trả số nợ 668.678.691đ (sáu trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc 507.254.068đ (năm trăm lẻ bảy triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi 161.424.623đ (một trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi ba đồng) là phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số LN2104143611505 ngày 28/04/2021 giữa V và ông P: Tài sản thế chấp này là của cá nhân ông P là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: ERTIGA, số khung: MHYANC22SMJ910364, số máy: K15BT1237997, biển kiểm soát số: 72E-001.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005139 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 06/05/2021 cấp cho ông Lê Ngọc P.

Mặc dù Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai đối với ông P để làm rõ quan điểm về yêu cầu khởi kiện của V, vào ngày 12/04/2023 Tòa án thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông P vắng mặt và chiếc xe ô tô không có tại địa chỉ trên. Tuy nhiên căn cứ theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định việc ông P ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với VBank để thực hiện việc vay vốn của ông P là đúng theo quy định tại Điều 562, 563, 565, 566 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có

giá trị pháp lý, nếu ông P không thanh toán được toàn bộ số nợ thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thu thập chứng cứ là 5.000.000đ (năm triệu đồng) ông Lê Ngọc P phải chịu. Do Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng nên ông Lê Ngọc P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

[5] Về án phí: Bị đơn ông Lê Ngọc P phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 30.747.148 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Lê Ngọc P.

1. Buộc ông Lê Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 19/6/2023 là 668.678.691đ (sáu trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ gốc 507.254.068đ (năm trăm lẻ bảy triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi 161.424.623đ (một trăm sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày 20/6/2023 ông Lê Ngọc P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Lê Ngọc P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: ERTIGA, số khung: MHYANC22SMJ910364, số máy: K15BT1237997, biển kiểm soát số: 72E-001.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005139 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 06/05/2021 cấp cho ông Lê Ngọc P.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Lê Ngọc P tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán dứt nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thu thập chứng cứ là 5.000.000đ (năm triệu đồng) ông Lê Ngọc P phải chịu. Do Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng nên ông Lê Ngọc P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Ông Lê Ngọc P phải nộp 30.747.148đ (ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi tám đồng) án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003870 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

